

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (LẦN 2)
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Đại cương bảo hiểm và quản trị rủi ro		
Mã học phần:	DFB0020	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	232_DFB0020_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Phân loại các rủi ro của cá nhân và tổ chức	Trắc nghiệm + Tự luận	50%	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,16,17,18,19,20, câu 1 và câu 2	9.6	PI 4.2
CLO 2	Lựa chọn các sản phẩm bảo hiểm phù hợp trên thị trường	Trắc nghiệm	20%	15	0.4	PI 4.2
CLO 3	Vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề để nhận diện rủi ro và lựa chọn sản phẩm bảo hiểm phù hợp	Trắc nghiệm + Tự luận	10%			PI4.2
CLO 4	Trình bày kết quả lựa chọn sản phẩm bảo hiểm phù hợp bằng lời nói, văn bản hiệu quả	Trắc nghiệm + Tự luận	10%			
CLO 5	Có ý thức học tập suốt đời	Trắc nghiệm + Tự luận	10%			PI10.2

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu + 0.4 điểm/câu hỏi)

Câu 1: Theo thống kê của một khảo sát, cứ 1000 người hút thuốc lá thì nguy cơ có 100 người bị bệnh liên quan đến phổi, nhưng thực tế mỗi năm lại có những kết quả khác nhau, có năm tỷ lệ là 110/1000 người bị bệnh, nhưng có năm 90/1000 người bị bệnh. Hãy chọn câu trả lời đúng về trường hợp trên:

A. Rủi ro khách quan là 10%

- B. Rủi ro khách quan là 5%
- C. Rủi ro chủ quan là 5%
- D. Rủi ro chủ quan là 10%

ANSWER: A

Câu 2: Một người được bảo hiểm bởi nhiều hợp đồng bảo hiểm nhân thọ tại nhiều doanh nghiệp bảo hiểm khác nhau, trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm sẽ:

- A. Được hưởng quyền lợi bảo hiểm theo tất cả các hợp đồng bảo hiểm đã tham gia
- B. Không được nhận quyền lợi bảo hiểm và phí bảo hiểm đã đóng do vi phạm quy định
- C. Được hưởng quyền lợi bảo hiểm của một hợp đồng bảo hiểm tại mỗi doanh nghiệp bảo hiểm đã tham gia
- D. Chỉ được hưởng quyền lợi bảo hiểm có giá trị cao nhất trong số các quyền lợi bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm đã tham gia

ANSWER: A

Câu 3: Rủi ro do lạm phát nhanh, thất nghiệp theo chu kỳ, chiến tranh, bão tố, lũ lụt và động đất là loại rủi ro nào?

- A. Rủi ro hệ thống
- B. Rủi ro phi hệ thống
- C. Rủi ro đầu cơ
- D. Tất cả đáp án đúng

ANSWER: A

Câu 4: “Mua 100 cổ phiếu phổ thông, bạn sẽ lợi nhuận nếu giá cổ phiếu tăng nhưng sẽ thua nếu giá giảm”. Đây là một ví dụ về loại rủi ro nào?

- A. Rủi ro đầu cơ
- B. Rủi ro thuần túy
- C. Rủi ro hệ thống
- D. Tất cả đáp án đúng

ANSWER: A

Câu 5: Có bao nhiêu nhóm kỹ thuật quản trị rủi ro? Mỗi nhóm có bao nhiêu kỹ thuật?

- A. 2 nhóm kỹ thuật quản trị rủi ro; mỗi nhóm có 3 kỹ thuật
- B. 3 nhóm kỹ thuật quản trị rủi ro; mỗi nhóm có 2 kỹ thuật
- C. 4 nhóm kỹ thuật quản trị rủi ro; mỗi nhóm có 2 kỹ thuật
- D. 2 nhóm kỹ thuật quản trị rủi ro; mỗi nhóm có 4 kỹ thuật

ANSWER: A

Câu 6: Ngân hàng A cấm khách hàng hút thuốc bên trong phạm vi Ngân hàng A để phòng chống cháy nổ. Đây là loại biện pháp kiểm soát rủi ro gì?

- A. Ngăn ngừa tổn thất
- B. Tránh né rủi ro
- C. Giảm thiểu tổn thất
- D. Cả 3 câu đều đúng

ANSWER: A

Câu 7: Đặc điểm của một rủi ro được bảo hiểm?

- A. Ước lượng được tần suất và mức độ tổn thất.

- B. Không xác định được tổn thất
 - C. Không đo lường được
 - D. Cả 3 câu đều sai.
- ANSWER: A

Câu 8: Đây là đặc điểm của 1 rủi ro được bảo hiểm

- A. Tất cả đáp án đúng
- B. Khả năng gây tổn thất phải xác định được
- C. Mức phí phải khả thi về mặt kinh tế
- D. Số lượng lớn đối tượng gánh chịu cùng rủi ro

ANSWER: A

Câu 9. Đại lý bảo hiểm có quyền:

- A. Được hưởng hoa hồng đại lý
- B. Dùng tiền hoa hồng để giảm phí hoặc khuyến mãi cho khách hàng
- C. Tiết lộ thông tin liên quan đến khách hàng
- D. Tạm ứng hoặc cho khách hàng vay tiền để đóng phí

ANSWER: A

Câu 10. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, hoạt động giới thiệu, chào bán bảo hiểm, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm và các công việc khác nhằm thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm là:

- A. Hoạt động Đại lý bảo hiểm
- B. Hoạt động giám định
- C. Hoạt động Môi giới bảo hiểm
- D. Hoạt động bồi thường

ANSWER: A

Câu 11. Theo Luật kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa:

- A. Bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm
- B. Doanh nghiệp bảo hiểm và đại lý bảo hiểm
- C. Tất cả đáp án đúng
- D. Tất cả đáp án sai

ANSWER: A

Câu 12: “Doanh nghiệp bảo hiểm chi trả không quá số tiền thiệt hại thực tế” là nguyên tắc nào sau đây?

- A. Nguyên tắc bồi thường
- B. Nguyên tắc chuyển giao rủi ro
- C. Nguyên tắc thế quyền
- D. Nguyên tắc quyền lợi có thể được bảo hiểm

ANSWER: A

Câu 13: Đây là khái niệm đúng về Chuyển giao rủi ro?

- A. Chuyển giao rủi ro là rủi ro thuần túy được chuyển từ người được bảo hiểm sang người bảo hiểm, người thường ở trong tình trạng tài chính mạnh hơn để thanh toán tổn thất so với người được bảo hiểm.

B. Chuyển giao rủi ro là rủi ro đầu cơ được chuyển từ người được bảo hiểm sang người bảo hiểm, người thường ở trong tình trạng tài chính mạnh hơn để thanh toán tổn thất so với người được bảo hiểm.

C. Chuyển giao rủi ro là rủi ro thuần túy được chuyển từ người thụ hưởng sang người bảo hiểm, người thường ở trong tình trạng tài chính mạnh hơn để thanh toán tổn thất so với người được bảo hiểm.

D. Chuyển giao rủi ro là rủi ro thuần túy được chuyển từ người được bảo hiểm sang môi giới bảo hiểm, người thường ở trong tình trạng tài chính mạnh hơn để thanh toán tổn thất so với người được bảo hiểm.

ANSWER: A

Câu 14: Khoản tiền mà bạn phải trả hàng tháng hoặc hàng năm để duy trì hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được gọi là:

A. Tiền phí

B. Tiền tiết kiệm

C. Tiền tiết kiệm và tiền phí

D. Tiền khấu hao

ANSWER: A

Câu 15: Phát biểu nào sau đây SAI về bảo hiểm nhân thọ?

A. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là hợp đồng bồi thường

B. Người mua bảo hiểm có thể đồng thời là người thụ hưởng

C. Nguyên tắc thế quyền không được áp dụng trong bảo hiểm nhân thọ

D. Một người được phép mua nhiều đơn bảo hiểm nhân thọ tại nhiều doanh nghiệp bảo hiểm khác nhau

ANSWER: A

Câu 16: Viruts corona ảnh hưởng đến tính mạng của nhiều người và đình trệ hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp. Đây là loại rủi ro gì?

A. Rủi ro không thể đa dạng hóa

B. Rủi ro có thể đa dạng hóa

C. Rủi ro phi hệ thống

D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Câu 17: Trích số liệu trong bảng tử vong dành cho nữ của một công ty bảo hiểm nhân thọ như sau:

ĐỘ TUỔI	SỐ SỐNG	SỐ TỬ VONG
32	80.002.087	76.200

Công ty bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm tử kỳ một năm với số tiền mỗi đơn là \$1.500 nếu xảy ra sự kiện bảo hiểm, lãi suất là 2,5%/năm. Xác định phí bảo hiểm thuần mà mỗi người mua bảo hiểm đóng góp vào năm 32 tuổi là bao nhiêu?

A. \$1,39

B. \$1,06

C. \$1,71

D. \$2,02

ANSWER: A

Câu 18: “Bảo hiểm trách nhiệm xe thay mặt người được bảo hiểm thanh toán cho bên thứ 3 khi người được bảo hiểm phát sinh trách nhiệm pháp lý với bên thứ 3”. Loại Bảo hiểm trách nhiệm dân sự người điều khiển xe này đang nói đến nguyên tắc nào?

- A. Nguyên tắc thế quyền
- B. Nguyên tắc trung thực tuyệt đối
- C. Nguyên tắc bồi thường
- D. Tất cả đáp án sai

ANSWER: A

Câu 19: “Giá trị tiền mặt thực tế” được áp dụng cho loại hình bảo hiểm nào?

- A. Bảo hiểm tài sản
- B. Bảo hiểm nhân thọ
- C. Cả hai đáp án đều đúng
- D. Cả hai đáp án đều sai

ANSWER: A

Câu 20: Điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp

- A. Tất cả đáp án đúng
- B. Đã chấm dứt hợp đồng lao động và nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại trung tâm dịch vụ việc làm.
- C. Chưa tìm được việc làm sau 15 ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp.
- D. Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động.

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (02 câu hỏi + thang điểm từng câu hỏi)

Câu hỏi 1: (2 điểm)

James và Emily là vợ chồng và sở hữu một căn hộ ba phòng ngủ ở ven thành phố Sydney, Úc. Con trai của họ, Jacob, đang theo học đại học tại Luân Đôn và sống tại một ký túc xá gần trường. Con gái của họ, Kelly, hiện là học sinh lớp 12. James là một kế toán làm việc cho một công ty kế toán địa phương. Emily là một chuyên viên phân tích marketing và thường đi công tác vài ngày liên tục.

Nhà của gia đình chứa đựng đồ đạc gia đình, tài sản cá nhân, hai máy tính và một laptop mà Emily sử dụng khi đi du lịch. Gia đình cũng sở hữu ba chiếc xe hơi. Jacob lái một chiếc Ford 2007; James lái một chiếc Pontiac 2012 cho cả công việc và sử dụng cá nhân; và Emily lái một chiếc Toyota 2014 và một chiếc xe thuê khi cô đi công tác. Mặc dù gia đình đã sở hữu nhà của họ trong một vài năm, họ đang xem xét việc chuyển đi do tăng trưởng gần đây về tội phạm trong khu phố của họ.

a. Mô tả ngắn gọn các bước trong quá trình quản trị rủi ro cá nhân. (1.4 điểm)

b. Xác định các rủi ro thuần túy mà James và Emily đang phải đối mặt đối với mỗi một trong các vấn đề sau đây: (0.3 điểm)

Rủi ro về con người

Rủi ro về tài sản

Rủi ro về trách nhiệm pháp lý

c. Đối với mỗi rủi ro đã được đề cập ở trên, xác định một kỹ thuật quản trị rủi ro cá nhân phù hợp có thể được sử dụng để xử lý rủi ro. (0.3 điểm)

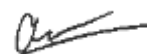
ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8.0	
Câu 1 – 20		0.4	
II. Tự luận		2.0	
Nội dung Câu 1.		2	
Nội dung câu a	Bước 1: Xác định rủi ro gây tổn thất: Nhận biết và định danh các nguy cơ tiềm ẩn mà James và Emily đang phải đối mặt.	0.35	
	Bước 2: Phân tích các tổn thất có thể xảy ra: Đánh giá các hậu quả có thể xảy ra nếu rủi ro xảy ra, bao gồm tổn thất cá nhân, tài sản và trách nhiệm.	0.35	
	Bước 3: Lựa chọn kỹ thuật quản trị rủi ro cá nhân phù hợp: Chọn ra các phương pháp hoặc biện pháp để giảm thiểu hoặc chấp nhận rủi ro. Có 2 nhóm kỹ thuật. Nhóm 1 là kiểm soát rủi ro gồm tránh rủi ro, Phòng ngừa tổn thất, Giảm mức độ tổn thất. Nhóm 2 là Tài trợ rủi ro gồm giữ lại rủi ro, chuyển giao rủi ro, mua bảo hiểm.	0.35	
	Bước 4: Thực hiện và giám sát định kỳ: Thực hiện các biện pháp đã chọn và theo dõi chúng để đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp.	0.35	
Nội dung câu b	Rủi ro về con người: Sức khỏe, tai nạn cá nhân, hoặc tử vong.	0.1	
	Rủi ro mất tài sản: Mất mát tài sản do cướp, cháy, hoặc hỏng hóc.	0.1	
	Rủi ro về trách nhiệm pháp lý: Phải chịu trách nhiệm pháp lý về tai nạn hoặc thương tích gây ra cho người hoặc tài sản của người khác.	0.1	
Nội dung câu c	Rủi ro về con người: Mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cá nhân.	0.1	
	Rủi ro về tài sản: Mua bảo hiểm tài sản	0.1	
	Rủi ro về trách nhiệm pháp lý: Mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự	0.1	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

ThS. Lê Thị Mỹ Duyên

ThS. Lê Ngọc Nhân Ái